

TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2023

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ theo Hợp đồng thầu phụ số: 17.10/HĐKT-2023/NTMK ký ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Xi nghiệp phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ về việc Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; Xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đạc lập bản đồ địa chính, lập HSĐC đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tầu, Lũng Khẩu Nhìn huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai..

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 17.10/HĐKT-2023/NTMK ký ngày 17 tháng 10 năm 2023.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lê Đức Tình	Chủ trì công trình	0912296180
2	Võ Ngọc Dũng	Tổ trưởng	0983594469
3	Nguyễn Hà	Tổ trưởng	0934951368
4	Trần Anh Dũng	Tổ trưởng	0902131020
5	Phạm Quốc Khánh	Tổ trưởng	0969323389

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG - BẢN ĐỒ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 17.10/HĐKT-2023/NTMK

Về việc: Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đặc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tản, Lũng Khấu Nhìn huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

- Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ thương thảo hợp đồng ngày 16/10/2023 giữa Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa-Bản đồ Về việc: Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đặc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tản, Lũng Khấu Nhìn huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

- Căn cứ vào nhu cầu Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và khả năng thực hiện của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa-Bản đồ.

Hôm nay, ngày 17 tháng 10 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Đại diện là Ông: **Nguyễn Quốc Văn**

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 02437558073

Fax: 02437558077

Tài khoản: 0561100290008 tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Mã số thuế: 0100107211-009

Bên B: Trung Tâm nghiên cứu ứng dụng Công nghệ mới Trắc địa

- Bản đồ

Đại diện: Ông: **Lê Đức Tình**

Chức vụ: Phụ trách Trung tâm

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A, trường Đại học Mỏ-Địa Chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 02437523819

Fax 02437523819

Tài khoản: 3100211000206 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế: 0100811629

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A thuê bên B thực hiện công việc Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đặc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tân, Lũng Khấu Nhì huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Điều 2. Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng.
- Bên B thực hiện hoàn thành các nội dung công việc của hợp đồng và giao nộp sản phẩm theo yêu cầu tiến độ của Bên A.

Điều 3. Yêu cầu về kỹ thuật, sản phẩm giao nộp

3.1. Yêu cầu về kỹ thuật

Nội dung, yêu cầu kỹ thuật tuân thủ theo Phương án tổ chức thi công do Bên A lập và tuân thủ:

- Triển khai thực hiện các nội dung công việc tuân thủ theo Phương án kỹ thuật - tổ chức thi công và sử dụng các phần mềm trung gian theo đúng yêu cầu của bên A để đảm bảo tính thống nhất trong toàn gói thầu.

- Thông tư 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp.

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

3.2. Sản phẩm giao nộp:

Sản phẩm giao nộp cho bên A đúng phương án thi công được phê duyệt và quy định hiện hành, sản phẩm giao nộp theo từng công đoạn thực hiện, được bên A kiểm tra nghiệm thu xác nhận.

Điều 4: Giá trị của hợp đồng

- Tổng giá trị của hợp đồng (tạm tính là 2.571.103.703 đồng (đã bao gồm thuế GTGT và các loại chi phí khác).

Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng./.

- Chi tiết có phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Điều 5: Phương thức tạm ứng, thanh toán

- Hình thức tạm ứng, thanh toán: Bằng chuyển khoản
- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền không quá 50% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.
- Thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng trên cơ sở khối lượng thực tế thực hiện được và đơn giá trong hợp đồng.
- Đồng tiền thanh toán : đồng Việt Nam.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Quyền của bên A:

- a) Bên A được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm của Hợp đồng.
- b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng

theo thỏa thuận hợp đồng.

6.2. Nghĩa vụ của bên A:

a) Cung cấp cho bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Quyền của bên B:

a) Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn.

7.2. Nghĩa vụ của bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Không được chuyển giao sản phẩm của Hợp đồng cho bất cứ một tổ chức cá nhân nào khi chưa được phép của bên A.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Văn

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Bình

Phụ lục: Bảng xác định khối lượng và giá trị hợp đồng
(Kèm theo hợp đồng số 17/10THĐKT-2023/NLMK, ngày 17/10/2023)

Số TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Loại KK	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	ĐO ĐẠC, CẮM MỐC RANH GIỚI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ					1.632.527.459
1	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới, các điểm đặc trưng					
1.1	Xác định đường ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới và các điểm đặc trưng					
-	Khu vực 0,7	Km	2	120	4.751.128	570.135.360
2	Cắm mốc ranh giới					-
2.1	Đúc mốc, chôn mốc, vẽ sơ đồ vị trí mốc ranh giới					-
-	Khu vực 0,7	Điểm	3	115	4.012.203	461.403.345
2.2	Đo đạc tọa độ, độ cao mốc ranh giới bằng công nghệ GPS					
-	Khu vực 0,7	Điểm	3	115	1.999.614	229.955.610
I.2	Đo vẽ bản đồ địa chính					
1	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000					
1.1	Ngoại nghiệp					
-	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	3032	122.372	371.033.144
II	ĐO ĐẠC, CẮM MỐC RANH GIỚI ĐẤT RỪNG UBND XÃ QUẢN LÝ					273.708.406
1	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới, các điểm đặc trưng					
1.1	Xác định đường ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới và các điểm đặc trưng					
-	Khu vực 0,7	Km	2	15	4.751.128	71.266.920
2	Cắm mốc ranh giới					
2.1	Đúc mốc, chôn mốc, vẽ sơ đồ vị trí mốc ranh giới					-
-	Khu vực 0,7	Điểm	3	26		

					4.012.203	104.317.278
2.3	Đo đạc tọa độ, độ cao mốc ranh giới bằng công nghệ GPS					
-	Khu vực 0,5					
-	Khu vực 0,7	Điểm	3	26	1.999.614	51.989.964
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000					-
2.1	Ngoại nghiệp					
-	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	377	122.372	46.134.244
III	ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH ĐẤT TRẢ VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI					431.131.138
1	Bản đồ tỷ lệ 1/2000					-
-	Ngoại nghiệp			491		-
	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	491	768.107	377.140.537
2	Bản đồ tỷ lệ 1/5000					-
-	Ngoại nghiệp					
-	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	213	253.477	53.990.601
-	Cộng :					2.337.367.003
-	Thuế GTGT (10%)					233.736.700
-	Tổng cộng:					2.571.103.703

Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bảy một triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024.

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM**

- Căn cứ hợp đồng số: 17.10/HĐKT-2023/NTMK ngày 17/10/2023 giữa Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa-Bản đồ Về việc: Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đạc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tản, Lũng Khấu Nhì huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ (Bên A)

- Đơn vị thi công: Trung Tâm nghiên cứu ứng dụng Công nghệ mới Trắc địa-Bản đồ (Bên B)

Các bên tiến hành nghiệm thu:

Đại diện đơn vị kiểm tra, nghiệm thu (bên A): Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

- Ông: Nguyễn Quốc Văn

Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Hoàng Thọ Hải

Chức vụ: TP KHTH

Đại diện đơn vị thi công (bên B): Trung Tâm nghiên cứu ứng dụng Công nghệ mới Trắc địa- Bản đồ

- Ông: Lê Đức Tình

Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Lê Đức Lực

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

1. Công tác thi công: Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đạc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tản, Lũng Khấu Nhì huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây:

a. Các văn bản:

- Báo cáo tổng kết kết quả kỹ thuật của đơn vị thi công;

- Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công đoạn công trình, sản phẩm của đơn vị thi công;

- Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công đoạn công trình, sản phẩm (tại hồ sơ KTNT cấp thi công);

- Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

b. Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã kiểm tra, thẩm định như sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Hợp đồng		Thực tế thi công		Nghiệm thu			Ghi chú
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng	
I	ĐO ĐẠC, CẮM MỐC RANH GIỚI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ									
1	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới, các điểm đặc trưng									
1.1	Xác định đường ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới và các điểm đặc trưng									
	Khu vực 0,7	Km	2	120		61	2	61	Đạt YC	
2	Cắm mốc ranh giới									
2.1	Đúc mốc, chôn mốc, vẽ sơ đồ vị trí mốc ranh giới					-	0	-		
	Khu vực 0,7	Điểm	3	115		59	3	59	Đạt YC	
2.2	Đo đạc tọa độ, độ cao mốc ranh giới bằng công nghệ GPS					-		-		

[illegible]

[illegible]

1	Bản đồ tỷ lệ 1/2000								
-	Ngoại nghiệp								
Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	491		250	4	250	Đạt YC	
2	Bản đồ tỷ lệ 1/5000								
-	Ngoại nghiệp								
Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	213		109	4	109	Đạt YC	

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

- a) Về thời gian thực hiện công trình:
 - Thời gian thi công tại thực địa: Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024;
- b) Về khối lượng đã hoàn thành: Đơn vị thi công đã hoàn thành các hạng mục như bảng trên tại mục 2.b.
- c) Về chất lượng: Đạt yêu cầu theo Hợp đồng đã được ký kết.
- d) Sản phẩm giao nộp: Sản phẩm được giao nộp sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã nêu trên.
- đ) Mức độ khó khăn: Mức khó khăn theo thực tế thi công.
- e) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với Hợp đồng: Không.

4. Kết luận:

- Chấp nhận, nghiệm thu, chất lượng, khối lượng hạng mục Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô

tả, dẫn đặc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tân, Lũng Khấu Nhin huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Chấp nhận loại khó khăn của hạng mục hạng mục Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; xác định ranh giới, lập mô tả, dẫn đặc phục vụ lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn xã Cao Sơn, La Pan Tân, Lũng Khấu Nhin huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA,

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

TS. Lê Đức Tình

NGHIỆM THU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Văn

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Căn cứ hợp đồng số: 17.10/HĐKT-2023/NTMK ngày 17/10/2023

Đại diện bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Đại diện bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ

Thanh toán lần thứ: 01;

Căn cứ: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm ngày 27/12/2024.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng				Đơn giá		Thành tiền				Ghi chú
				Theo HĐ	Thực hiện			Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện			
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
I	ĐO ĐẠC, CẮM MỐC RANH GIỚI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ													
1	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới, các điểm đặc trưng									-	-	-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng				Đơn giá		Thành tiền				
				Theo HD	Thực hiện			Theo HD	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HD	Thực hiện			Chú
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
1.1	Xác định đường ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới và các điểm đặc trưng									-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Km	2	120		61	61	4.751.128		570.135.360	-	290.769.034	290.769.034	
2	Cắm mốc ranh giới					-	-			-	-	-	-	
2.1	Đúc mốc, chôn mốc, vẽ sơ đồ vị trí mốc ranh giới					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Điểm	3	115		59	59	4.012.203		461.403.345	-	235.315.706	235.315.706	
2.2	Đo đạc tọa độ, độ cao mốc ranh giới bằng công nghệ GPS					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Điểm	3	115		59	59	1.999.614		229.955.610	-	117.277.361	117.277.361	
1.2	Đo vẽ bản đồ địa chính					-				-	-	-	-	
1	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000					-				-	-	-	-	
1.1	Ngoại nghiệp					-				-	-	-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng				Đơn giá		Thành tiền				chú
				Theo HĐ	Thực hiện			Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện			
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	3032		1.546	1.546	122.372		371.033.144	-	189.226.904	189.226.904	
II	ĐO ĐẠC, CẮM MỐC RANH GIỚI ĐẤT RỪNG UBND XÃ QUẢN LÝ					-				-	-	-	-	
1	Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới, các điểm đặc trưng					-				-	-	-	-	
1.1	Xác định đường ranh giới, vị trí cắm mốc ranh giới và các điểm đặc trưng					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Km	2	15		8	8	4.751.128		71.266.920	-	36.346.129	36.346.129	
2	Cắm mốc ranh giới					-				-	-	-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng			Đơn giá		Thành tiền					chú
				Theo HĐ	Thực hiện		Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện				
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
2.1	Đúc móng, chôn móng, vẽ sơ đồ vị trí móng ranh giới					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Điểm	3	26		13	13	4.012.203		104.317.278	-	53.201.812	53.201.812	
2.3	Đo đạc tọa độ, độ cao móng ranh giới bằng công nghệ GPS					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,5					-				-	-	-	-	
	Khu vực 0,7	Điểm	3	26		13	13	1.999.614		51.989.964	-	26.514.882	26.514.882	
2	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000					-				-	-	-	-	
2.1	Ngoại nghiệp					-				-	-	-	-	
	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	377		192	192	122.372		46.134.244	-	23.528.464	23.528.464	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng			Đơn giá		Thành tiền				chú	
				Theo HĐ	Thực hiện		Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện				
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ này
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
III	ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH ĐẤT TRẢ VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI					-				-	-	-	-	
1	Bản đồ tỷ lệ 1/2000					-				-	-	-	-	
-	Ngoại nghiệp					-				-	-	-	-	
	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	491		250	250	768.107		377.140.537	-	192.341.674	192.341.674	
2	Bản đồ tỷ lệ 1/5000					-				-	-	-	-	
-	Ngoại nghiệp					-				-	-	-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	KK	Khối lượng			Đơn giá		Thành tiền				chú	
				Theo HĐ	Thực hiện		Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện				
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ này
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
	Xác định ranh giới mốc giới thửa đất, lập mô tả, dẫn đạc (Khu vực 0,7)	Ha	4	213		109	109	253.477		53.990.601	-	27.535.207	27.535.207	
	Giá trị trước thuế									2.337.367.003	-	1.192.057.172	1.192.057.172	
	Thuế GTGT 10%									233.736.700				
	Thuế GTGT 8%										-	95.364.574	95.364.574	
	Giá trị sau thuế									2.571.103.703	-	1.287.421.746	1.287.421.746	

1. Giá trị Hợp đồng:

1. Giá trị Hợp đồng:

2. Giá trị tạm ứng theo Hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

2.571.103.703 đồng

700.000.000 đồng

0 đồng

1.287.421.746 đồng

700.000.000 đồng

587.421.746 đồng

1.287.421.746 đồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
XINHIEP
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
CÔNG NGHỆ CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG VIÊN
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
NGUYỄN QUỐC VĂN

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
NGHIÊN CỨU
ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG VIÊN
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
LÊ ĐỨC TÌNH